

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ V  
TỈNH V**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số:149/2020/HS-ST  
Ngày 28 tháng 9 năm 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH V**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lê Nữ Hương Huyền

*Các Hội thẩm Nhân dân:* Ông Nguyễn Tiến Thịnh và bà Bùi Thị Thu Hằng.

*Thư ký phiên toà:* Ông Trần Mạnh Tuấn- Thư ký Toà án Nhân dân thành phố V.

***Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố V tham gia phiên toà:*** Bà Bùi Thị Hồng Lương- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 137/2020/HS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 146/2020/HSST-QĐ ngày 18 tháng 9 năm 2020, đối với các bị cáo:

**1. Lê Văn Đ**, sinh ngày 12/02/1987 tại V; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đền, xã Thái H, huyện L T, tỉnh V; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị T; vợ: Nguyễn Thị T (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2008;

Tiền án: Không.

Tiền sự: Tại Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 15/2018/QĐ- TA ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh V quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Lê Văn Đ thời hạn 12 tháng. Ngày 05/7/2019 chấp hành xong.

Nhân thân:

Ngày 09/11/2011, Công an huyện T L, thành phố H N ra Quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 10604/QĐ- XLVPHC đối với Lê Văn Đ, thời hạn 24 tháng.

Ngày 15/11/2011, Ủy ban nhân dân tỉnh V ra Quyết định số 3220/QĐ- CT về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với Lê Văn Đ, thời hạn 24 tháng. Thời điểm này Đ đang chấp hành Quyết định của Công an huyện T L, thành phố H N.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/7/2020 đến nay.

**2. Tạ Văn N**- sinh ngày 14/8/1974; hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đền, xã K L, huyện T D, tỉnh V; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 3/12;

dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Văn S và bà Phạm Thị P; vợ: Đỗ Thị N (đã ly hôn); có 02 con: lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2001.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 6.

- Bản án số 13/HSST ngày 18/7/2003 của Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh V xử phạt Tạ Văn N 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Trị giá tài sản chiếm đoạt là 2.360.000đ. Chấp hành xong hình phạt ngày 15/4/2004. Thi hành xong án phí hình sự và án phí dân sự trong án hình sự ngày 30/12/2004.

- Bản án số 110/HSST ngày 14/12/2005 Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh V xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 1.100.000đ. Chấp hành xong hình phạt ngày 12/01/2008. Thi hành xong án phí ngày 19/9/2007.

- Bản án số 29/HSST ngày 26/9/2008 bị TAND huyện T D, tỉnh V xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Trị giá tài sản bị chiếm đoạt 2.027.000 đồng. Thi hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm ngày 07/07/2010.

- Bản án số 133/HSST ngày 29/12/2008 bị TAND thành phố V, tỉnh V xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Trị giá tài sản bị chiếm đoạt 120.000 đồng. Tổng hợp với 03 năm tù của bản án số 29 ngày 26/9/2008. Buộc N phải chấp hành là 04 năm tù. Chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương ngày 15/7/2012. Thi hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm ngày 25/02/2009.

- Bản án số 21/HSST ngày 12/3/2013 bị TAND thành phố V, tỉnh V xử phạt 11 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Trị giá tài sản bị chiếm đoạt 1.000.000 đồng. Chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương ngày 08/12/2013. Thi hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm tháng 07/2013.

- Bản án số 34/HSST ngày 28/7/2015 bị TAND huyện T Đ, tỉnh V xử phạt 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Trị giá tài sản bị chiếm đoạt 21.200.000 đồng. Chấp hành xong hình phạt tù hình phạt tù trở về địa phương ngày 25/02/2019. Chưa thi hành xong phần án dân sự trong hình sự.

Nhân thân:

- Bản án số 68/HSST ngày 08/11/1997 của TAND huyện T Đ, tỉnh V xử phạt Tạ Văn N 05 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân và tội trộm cắp tài sản công dân. Thi hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm năm 2009.

- Bản án số 11/HSST ngày 20/01/1998 của TAND huyện T Đ, tỉnh V xử phạt Tạ Văn N 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội trộm cắp tài sản công dân. Thi hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong hình sự ngày 13/05/2005.

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 04 ngày 24/11/2000 của Công an thị xã V (nay là thành phố V), tỉnh V phạt Tạ Văn N số tiền 100.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Chấp hành xong ngày 24/11/2000.

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 93 ngày 30/05/2001 của Công an thị xã V (nay là thành phố V), tỉnh V phạt Tạ Văn N số tiền 100.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Chấp hành xong ngày 30/05/2001.

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 26 ngày 04/03/2005 của Công an huyện T D, tỉnh V phạt Tạ Văn N số tiền 100.000đ về hành vi mua số lô, số đề. Chấp hành xong ngày 04/03/2005.

- Bản án số 36/HSST ngày 05/08/2020 bị TAND huyện T Đ, tỉnh V xử phạt 03 năm 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Trị giá tài sản bị chiếm đoạt 7.500.000 đồng.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/04/2020 và đang thi hành án tù theo Bản án số 36/HSST ngày 05/08/2020 của Tòa án nhân dân huyện T Đ, tỉnh V (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 12 giờ ngày 25/12/2019, Lê Văn Đ đi bộ đến nhà Tạ Văn N ở thôn Đồn, xã K L, huyện T D, tỉnh V. Khi đến thấy N ở nhà một mình, Đ rủ N góp tiền mua ma túy Heroine về cùng nhau sử dụng, N đồng ý. Sau đó, N và Đ mỗi người góp 250.000đ, tổng cộng là 500.000đ để đi mua ma túy. Số tiền này N cầm và điều khiển xe máy biển kiểm soát 88K1-2193 chở Đ đi từ nhà N đến khu vực đường Ngô Quyền, thuộc phường Ngô Quyền, thành phố V, tỉnh V để tìm mua ma túy. Tại đây, N và Đ gặp 01 người nam không quen biết, N hỏi và mua được của người này 02 gói ma túy Heroine với giá 500.000đ. Sau đó, N cất 02 gói ma túy vừa mua được vào túi quần đang mặc rồi tiếp tục điều khiển xe chở Đ đi tìm nơi sử dụng ma túy. Khi N và Đ vừa đi được khoảng 50m bị Tổ công tác Phòng cảnh sát cơ động (PK02) Công an tỉnh V kiểm tra hành chính, phát hiện lập biên bản sự việc. Tang vật thu giữ: Tại túi quần phía sau bên phải chiếc quần N đang mặc 02 gói giấy nhỏ bên trong có chất cục bột màu trắng, N và Đ khai nhận là ma túy Heroine cả hai góp tiền cùng mua về sử dụng, niêm phong ký hiệu A1, tạm giữ của N 01 xe máy biển kiểm soát 88K1- 2193.

Tại kết luận giám định số 2722/KLGD ngày 29/12/2019 của Phòng kỹ hình sự - Công an tỉnh V kết luận: Chất bột, cục màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy lẫn tạp chất, loại Heroine. Heroine là chất ma túy nằm ở STT 09, danh mục I, Nghị định 73 ngày 15/5/2018 của Chính phủ. Khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,2661g (Không phẩy hai sáu sáu một gam, không kê bao bì). Khối lượng Heroine trong 0,2661gam mẫu là 0.0909g (không phẩy không chín không chín gam).

- Hoàn lại mẫu vật còn lại sau giám định cho cơ quan trưng cầu gồm: A1 = 0,1160gam mẫu và toàn bộ bao gói, được niêm phong trong cùng một bao gói giấy “Mẫu trả”, trên giáp lai có chữ ký của người giám định và hình dấu tròn đỏ của phòng Kỹ thuật hình sự.

Về nguồn gốc số ma túy thu giữ, Lê Văn Đ và Tạ Văn N khai nhận: Khoảng 12 giờ ngày 25/12/2019, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên Đ đã rủ N

góp mỗi người số tiền 250.000đ để đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng. Sau đó, N điều khiển xe máy chở Đ đến khu vực đường Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố V, tỉnh V để mua ma túy. Tại đây, N hỏi mua được của 01 người nam giới không biết tên, tuổi, nhân thân, lai lịch 02 gói ma túy Heroine với giá 500.000đ. Sau khi mua được ma túy, N điều khiển xe chở Đ đi về, khi vừa đi được khoảng 50m thì bị phát hiện. Quá trình điều tra N và Đ khai không biết người nam giới đã bán ma túy cho N và Đ là ai, ở đâu.

Tại Cáo trạng số: 152/CT-VKSNDTPVY ngày 15/9/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Lê Văn Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Tạ Văn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn Đ và Tạ Văn N khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Tạ Văn N từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù. Tổng hợp hình phạt 03 năm 09 tháng tù của Bản án số 36/HSST ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện T Đ, tỉnh V buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án là từ 09 năm 03 tháng đến 09 năm 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 0,1160g ma túy Heroine và toàn bộ bao gói được niêm phong trong cùng một bao gói giấy “Mẫu trà” hoàn lại sau giám định.

Các bị cáo không bào chữa, tranh luận khác. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội nêu trên của bị cáo Lê Văn Đ và Tạ Văn N tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp nhau, phù hợp lời khai của người chứng kiến về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 13 giờ 45 phút ngày 25/12/2019, tổ công tác Phòng cảnh sát cơ động Công an tỉnh V phát hiện bắt quả tang Tạ Văn N và Lê Văn Đ có hành vi tàng trữ trái phép 02 gói ma túy mục đích để sử dụng. Tang vật thu giữ 02 gói giấy nhỏ chứa 0,2661g chất bột cục màu trắng qua giám định là ma túy

Heroin. Khối lượng Heroin trong 0,2661g mẫu là 0,0909g. Hoàn lại mẫu vật còn lại sau giám định là 0,1160g.

Hành vi của Lê Văn Đ tàng trữ 0,2661 gam ma túy, loại Heroin để sử dụng đã phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của Tạ Văn N tàng trữ 0,2661g gam ma túy Heroin để sử dụng. Do N có 06 tiền án chưa được xóa án tích, đã tái phạm nay lại phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Nội dung điều luật quy định:

*“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy hoặc thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

*c) Heroin, Cocaine, Methamphetamine.....có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:*

*o) Tái phạm nguy hiểm.*

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội, ảnh hưởng đến nòi giống, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người; gây ra một lớp người nghiện trong xã hội làm tác hại cho chính bản thân người nghiện và gia đình họ cũng như cho cộng đồng nói chung. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo Lê Văn Đ phạm tội theo quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 05 năm tù nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm nghiêm trọng. Bị cáo Tạ Văn N phạm tội theo quy định tại khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 10 năm tù nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự nên thuộc trường hợp rất nghiêm trọng.

Các bị cáo đều có nhân thân xấu vì: Bị cáo Lê Văn Đ đã 02 lần bị đưa đi cai nghiện bắt buộc; 01 lần bị đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Bị cáo Tạ Văn N có 06 tiền án. Ngoài ra có 03 lần bị xử phạt hành chính (trong đó có 02 lần bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy); 02 lần bị đưa ra xét xử đã được xóa án tích nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tại tiếp tục thực hiện hành vi phạm thể hiện sự coi thường pháp luật.

Lê Văn Đ là người rủ rê, góp tiền cùng với Tạ Văn N đi mua ma túy để cùng nhau sử dụng. N là đồng phạm tiếp nhận ý chí, góp tiền, trực tiếp điều khiển xe máy đi mua ma túy. Các bị cáo không có sự phân công, câu kết chặt chẽ nên đây là đồng phạm giản đơn và các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm mà mình đã gây ra.

Hành vi của các bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý, động cơ là để thỏa mãn nhu cầu nghiện của bản thân. Hiện tại trên địa bàn thành phố V các tội phạm về ma túy có chiều hướng gia tăng, đây là nguyên nhân làm mất ổn định tình hình an ninh chính trị tại địa phương và phát sinh các tội phạm khác trong xã hội. Do đó cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt có xem xét đến tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã “Thành khẩn khai báo”, nên được giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không bị áp dụng tình tiết tăng nặng. Mặc dù bị cáo Tạ Văn N có 06 tiền án, đã tái phạm nên bị áp dụng tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm nên không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

Về tổng hợp hình phạt: Bị cáo Tạ Văn N bị Tòa án nhân dân huyện T Đ, tỉnh V xử phạt 03 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 36/HSST ngày 05/8/2020 nên cần tổng hợp hình phạt để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, các bị cáo là đối tượng nghiện, không có tài sản và nghề nghiệp nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho N và Đ không biết lai lịch của người này nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

[6] Về vật chứng: Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 88K1-2193 thu giữ của Tạ Văn N. Quá trình điều tra và tại phiên tòa N khai mua của người nam giới không biết tên, địa chỉ với giá 2.000.000đ để làm phương tiện đi lại, N không nhớ mua chiếc xe máy này vào thời gian nào. Đến ngày 25/12/2019, N sử

dụng xe này đi mua và tàng trữ ma túy. Cơ quan điều tra đã tiến hành tra cứu, xác định chiếc xe có giấy đăng ký đứng tên anh Nguyễn Văn Thuyết- sinh năm 1983, ở thôn Phú Hậu, xã Sơn Đông, huyện L T, tỉnh V. Anh Thuyết khai, anh mua chiếc xe này từ năm 2008 với giá 24.000.000đ, đến khoảng tháng 05/2016 anh Thuyết bán xe này cho một người nam giới không biết, tên, tuổi, địa chỉ gặp ở quán nước ven đường thuộc địa bàn huyện L T với giá 2.000.000đ. Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để điều tra xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

Đối với 0,1160g ma túy Heroine và toàn bộ bao gói còn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn Đ và Tạ Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 09/7/2020).

Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Tạ Văn N 06 (sáu) năm tù. Tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 36/HSST ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện T Đ, tỉnh V buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai Bản án là 09 (chín) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 29/4/2020).

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy 0,1160 gam ma túy Heroine và toàn bộ bao gói được niêm phong trong cùng một bao gói giấy “Mẫu trả” hoàn lại sau giám định.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Văn Đ và Tạ Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát tỉnh V;
- Viện kiểm sát thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Trại tạm giam- CA V;
- Chi cục thi hành án V;
- Sở Tư pháp tỉnh V;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**Lê Nữ Hương Huyền**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**



**Sái Văn Trọng**

**Nguyễn Thị Thúy Nga**

**Lê Nữ Hương Huyền**

